| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 2 – CÀ MAU | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 02 - 2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Việt
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hoàng Thám
Ông Trịnh Thanh Trần
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phương Phượng D, sinh năm 1993 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 4, xã NP, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Võ Đà L, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 4, xã NP, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Nguyên đơn bà Phương Phượng D trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Đà L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống gần đây vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau. Hiện tại vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn chung sống lại được nữa nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Võ Phương V, sinh ngày 05/6/2016. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thoả thuận, nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

*- Bị đơn ông Võ Đà L trình bày:*

Ông đồng ý ly hôn với bà Phương Phượng D. Về con chung là cháu Võ Phương V đồng ý chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu V đồng ý chung sống với ông thì ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thoả thuận, nợ chung không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Bà Phương Phượng D và ông Võ Đà L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D và ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Phương Phượng D và ông Võ Đà L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L được xác lập hợp pháp, hai người tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống giữa bà D và ông L đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau là thực tế có diễn ra. Kể từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay hai bên không thể dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hai bên thoả thuận hàn gắn nhưng không có kết quả, nay bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn và ông L cũng có văn bản đồng ý ly hôn. Từ những vấn đề đã nêu, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho hai người được ly hôn là phù hợp. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà D và ông L có một con chung là cháu Võ Phương V, sinh ngày 05/6/2016. Cháu V hiện tại chưa thành niên, bà D đang nuôi dưỡng cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của cháu đã ổn định, cháu V cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ là bà D khi cha mẹ cháu ly hôn, ông L cũng đồng ý cháu V có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, do đó giao cháu V cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu V mà không ai được cản trở. Bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà D và ông L không ai yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà D chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 20/8/2025, bà D nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cà Mau được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Phương Phượng D được ly hôn với ông Võ Đà L.

Về con chung: Giao cháu Võ Phương V, sinh ngày 05/6/2016 cho bà Phương Phượng D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Võ Đà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Võ Phương V mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Phương Phượng D chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 20/8/2025, bà Phương Phượng D nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012224 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cà Mau được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phương Phượng D và ông Võ Đà L vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cà Mau;
- UBND xã NP, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.TANDKV2-CM.

**Bùi Văn Việt**